

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

2. Bà Cao Thị Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân  
huyện Đông Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10  
năm 2022; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét  
xử số 72/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa  
số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn CP, xã  
MP, huyện DH, tỉnh TB.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn CP, xã  
MP, huyện DH, tỉnh TB.

*(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án;  
nguyên đơn, chị Phạm Thị B trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại  
UBND xã Đồng Phú (nay là xã MP), huyện DH, tỉnh TB vào ngày 05 tháng 10  
năm 2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì  
phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi vã. Nguyên nhân mâu  
thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và  
còn do anh T chơi bời bài bạc, không quan tâm đến chị và con. Tháng 8/2020,  
vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh  
T. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định làm ăn.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 16/10/2000 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 22/5/2010. Hiện tại con N đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con N. Con T1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

\* Anh Nguyễn Xuân T có nơi trú tại thôn CP, xã MP, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

*\* Qua xác minh với chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987 (là em họ của anh T) có nội dung:*

Chị B và anh T đăng kết hôn tại UBND xã Đồng Phú (nay là xã MP), huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 05/10/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã sinh sống; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Sau khi chị B làm đơn xin ly hôn, anh T đi làm ăn tự do ở tỉnh ngoài, không có địa chỉ cụ thể; anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với chị. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị B và anh T, chị đều nhận thay anh T và thông báo kịp thời cho anh T biết nội dung văn bản tố tụng của Tòa án, anh T nói anh bận mãi làm ăn không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị B.

Chị B và anh T có 02 con chung như chị B trình bày. Ly hôn, việc nuôi dưỡng con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị B và anh T không có tài sản chung.

\* Xác minh tại UBND xã MP, huyện ĐH, tỉnh TB có nội dung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Phạm Thị B đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Phú (nay là xã MP), huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 05/10/2004. Cả hai anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CP, xã MP, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị B đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ngày 13/9/2022, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải cho chị B và anh T, anh T lên UBND xã làm việc nhưng anh không thiện chí đoàn tụ; anh có ý kiến UBND xã và Tòa án giải quyết thế nào, anh đều chấp nhận. Khả năng đoàn tụ giữa chị B và anh T rất khó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định

của pháp luật.

Anh T và chị B có 02 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 16/10/2000 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 22/5/2010. Anh T thường đi làm ăn xa nhà, con chung đang sinh sống ổn định cùng chị B; vì vậy, giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi cho con chung.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Giao con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 22/5/2010 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị B tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con. Con Nguyễn Văn T1, sinh ngày 16/10/2000 đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1]. Bị đơn anh Nguyễn Xuân T có nơi cư trú tại thôn CP, xã MP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

**- Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân nhau đã lâu; cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[2] Về con chung: Con Nguyễn Thị Thanh N đang sinh sống ổn định cùng chị B và cháu có nguyện vọng được ở với chị B; từ khi vợ chồng ly thân, chị B vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con N, cần giao con N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con N. Con Nguyễn Văn T1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản: Do chị B không yêu cầu giải quyết, anh T không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí : Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị B và anh T có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

**2/. Về con chung:** Xử giao con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 22/5/2010 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Phạm Thị B tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Xuân T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Xuân T và chị Phạm Thị B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu dưỡng cho con khi cần thiết.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003188 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

**5/. Về quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:  
UBND xã MP, huyện DH, tỉnh TB;
- Chi cục THADS huyện DH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
***Đã ký***

**Lê Kiên Trung**